

2025-2026 年度第一學期中五級補課

補課時間為 4:10 pm – 5:15 pm

	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur
Date	9/9	11/9	16/9	18/9	23/9	25/9	30/9	2/10	7/10	9/10	14/10	16/10	21/10	23/10	28/10	30/10	4/11 (五)	6/11	11/11	13/11
5A	Eng.	X1	Chi	陸運會	X2	Ma.	X1	Eng.	中秋節翌日	Ma.	Eng.	CSD	Chi	X2	Eng.	X3	Chi	X1	X3	Ma.
5B	Eng.	X1	Chi		X2	Ma.	X1	Eng.		Ma.	Eng.	CSD	Chi	X2	Eng.	X3	Chi	X1	X3	Ma.
5C	Eng.	X1	Chi		X2	Ma.	X1	Eng.		CSD	Eng.	Ma.	Chi	X2	Eng.	X3	Chi	X1	X3	Ma.
5D	Eng.	X1	Chi		X2	CSD	X1	Eng.		Ma.	Eng.	Ma.	Chi	X2	Eng.	X3	Chi	X1	X3	Ma.
Date	18/11	20/11	25/11	27/11	2/12	4/12	9/12	11/12 (一)	16/12	18/12	6/1/26	8/1								
5A	Chi	Ma.	X1	X2	X3	Chi	Eng.	Ma.	X2	X3	Eng.	教師發展日								
5B	Chi	Ma.	X1	X2	X3	Chi	Eng.	Ma.	X2	X3	Eng.									
5C	Chi	Ma.	X1	X2	X3	Chi	Eng.	Ma.	X2	X3	Eng.									
5D	Chi	Ma.	X1	X2	X3	Chi	Eng.	Ma.	X2	X3	Eng.									

X1	BF(BM) (5A) YTM	BF(Acct) (5B) YWK	T&H (5C) CYY2	Hist. (5D) WWS	Phy. (Lab) HSM
X2	Eco. (5A) TPM	Geog. (5B) CYY2	C. Hist (5D) PKY2	ICT (Comp. Rm.) LYN	Chem. (Lab) IWP
X3	Bio. (Lab) CWF	M1 (5A) WYT	Maths. Enrich. Class		
			Group 1 (5B) CYT	Group 2 (5C) YYW	Group 3 (5D) CCW4
			Eng. Enrich. Class		
			Group 1 (5B) LKF2	Group 2 (5C) LLP2	Group 3 (5D) WTC3
English	Rm 505 (Gp. 1) LKM4	Rm 506 (Gp. 2) TST	Rm 207 (Gp. 3) CWK4	Rm A301 (Gp. 4) YCH2	